

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TỊNH BIÊN
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 112/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 31-10 -2022

“V/v tranh chấp hôn nhân và gia
đình, ly hôn ”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TỊNH BIÊN TỈNH AN GIANG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Mai Văn Khánh.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Phạm Thanh Hải.
- Ông Trần Thanh Hoàng.

Thư ký phiên tòa: Ông Đặng Văn Tâm - Thư ký tòa án nhân dân huyện
Tĩnh Biên.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Tĩnh Biên tham gia phiên tòa:
Bà Nèng Sa Men – Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 10 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tĩnh Biên,
xét xử sơ thẩm công khai vụ án tranh chấp hôn nhân gia đình thụ lý số:
179/2022/TLST - HNGĐ ngày 25 tháng 7 năm 2022 về việc “ *Tranh chấp hôn
nhân gia đình, ly hôn* ” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 189/2022/QĐST -
HNGĐ ngày 26 tháng 9 năm 2022 và quyết định hoãn phiên tòa số:
143/2022/QĐST-HNGĐ ngày 14/10/2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Nguyễn Văn N, sinh năm 1978;

Địa chỉ: Ấp Th, xã T, huyện Tĩnh Biên, tỉnh An Giang.

- *Bị đơn:* Chị Đặng Thị Bích T, sinh năm 1982;

Địa chỉ: Ấp Th, xã T, huyện Tĩnh Biên, tỉnh An Giang.

(Anh N có đơn xin xét xử vắng mặt, chị T vắng mặt lần 2 không lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ly hôn ngày 22 tháng 7 năm 2022 và lời khai tại Tòa án anh Nguyễn Văn N trình bày:

Anh và chị Đặng Thị Bích T quen biết, do tự tìm hiểu và được sự đồng ý của hai bên gia đình tổ chức lễ cưới năm 2000 và đến năm 2006 mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Thới Sơn, huyện Tịnh Biên, An Giang vào ngày 15/9/2006. Thời gian đầu cuộc sống vợ chồng sống hạnh phúc và chỉ được trong khoảng thời gian ngắn, anh và chị T xảy ra nhiều mâu thuẫn và bất đồng trong quan điểm sống, thường xuyên cãi vã, tình cảm vợ chồng ngày càng rạn nứt khoảng tháng 4/2018 anh và chị T sống ly thân cho đến nay. Trong thời gian sống ly thân, anh và chị T không có gặp nhau nói chuyện hàn gắn vợ chồng. Nay tình cảm vợ chồng không còn, anh yêu cầu ly hôn với chị Đặng Thị Bích T.

Về con chung: Anh và chị T có 02 con chung tên Nguyễn Thị Tuyết H, sinh năm 2003 (*đã trưởng thành*) và Nguyễn Ngọc L, sinh ngày 20/6/2011 hiện anh đang nuôi dạy, khi ly hôn anh yêu cầu được tiếp tục nuôi con, không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh và chị T không có tài sản chung và nợ chung.

Bị đơn: Chị Đặng Thị Bích T, chị T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án nhưng vẫn không gửi văn bản nêu ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tòa án triệu tập chị T đến tham dự phiên họp, kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hoà giải đến lần thứ hai và triệu tập đến tham dự phiên tòa đến lần thứ hai nhưng chị T vắng mặt không lý do.

Tại phiên Tòa Kiểm sát viên phát biểu về việc tuân theo pháp luật, quan điểm giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký về việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng:

- *Thẩm phán:* Được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng thẩm quyền, xác định đúng quan hệ tranh chấp, tổ chức hòa giải, thu thập chứng cứ đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- *Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa:* Hội đồng xét xử tiến hành phiên tòa sơ thẩm đúng trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử; thư ký ghi biên bản phiên tòa đúng chức năng nhiệm vụ.

- *Người tham gia tố tụng:* Nguyên đơn thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình, bị đơn chấp hành chưa đảm bảo theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: Căn cứ hồ sơ vụ án, các tài liệu chứng cứ đã được Hội đồng xét xử xem xét và tại phiên tòa, nhận thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- + Về hôn nhân: Đề nghị chấp nhận cho anh N được ly hôn với chị T.
- + Về con chung: Anh N, được tiếp tục nuôi dạy con tên Nguyễn Ngọc L, sinh ngày 20/6/2011 chị T không phải cấp dưỡng nuôi con, do anh N không yêu cầu.
- + Về tài sản chung, nợ chung: Anh N xác nhận là không có, nên không xem xét giải quyết.
- + Về án phí: Anh N khởi kiện xin ly hôn nên phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã thẩm tra tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Đặng Thị Bích T là bị đơn, hộ khẩu thường trú: Ấp Th, xã T, huyện Tịnh Biên, An Giang. Căn cứ vào các Điều 28, 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân huyện Tịnh Biên thụ lý và giải quyết là đúng thẩm quyền.

[2] Về việc vắng mặt của các đương sự: Anh Nguyễn Văn N có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt; nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Tòa án tổng đạt hợp lệ cho chị T quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên Tòa lần thứ nhất và giấy triệu tập tham gia phiên tòa cho bị đơn chị T. Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn chị T vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về nội dung: Anh Nguyễn Văn N cho rằng khoảng năm 2000 anh và chị T được hai gia đình tổ chức lễ cưới, sau đó đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Tịnh Biên, An Giang; theo giấy chứng nhận kết hôn số: 50 ngày 15/9/2006. Tại thời điểm kết hôn anh N và chị T đã đủ độ tuổi và có đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, do vậy đây là hôn nhân hợp pháp theo qui định tại Điều 8 và 9 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014.

Theo anh N cho rằng cuộc sống vợ chồng thời gian đầu hạnh phúc, khoảng tháng 4/2018 thì anh và chị T phát sinh mâu thuẫn và sống ly thân cho đến nay.

Trong quá trình giải quyết cũng như trong hòa giải, công bố chứng cứ tòa án cũng đã phân tích hậu quả của việc ly hôn, tuy nhiên anh N cương quyết giữ nguyên yêu cầu là xin ly hôn với chị T, chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trở nên trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt, nếu tiếp tục duy trì cuộc hôn nhân thì cũng không đem lại hạnh phúc, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của anh N được ly hôn với chị T là phù hợp với quy định tại Điều 51, 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

[4] Về con chung: Anh N và chị T có 02 con chung tên Nguyễn Thị Tuyết H, sinh năm 2003 (*đã trưởng thành*) và Nguyễn Ngọc L, sinh ngày 20/6/2011 hiện anh đang đang nuôi dạy, khi ly hôn anh yêu cầu được tiếp tục nuôi con, không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi dạy, đồng thời cháu L cũng có nguyện vọng được tiếp tục sống với cha là anh N, để đảm bảo tâm sinh lý và cuộc sống bình nên giao cháu L cho anh N được tiếp tục nuôi dạy là phù hợp với các Điều 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Anh N không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không đặt ra xemt xét.

Không ai được ngăn cản quyền gặp gỡ và chăm sóc con chung.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Anh N xác nhận không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Anh Nguyễn Văn N khởi kiện ly hôn nên phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 57 Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Điều 28, Điều 35, Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường Vụ Quốc Hội.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của anh Nguyễn Văn N đối với chị Đặng Thị Bích T.

1. *Về quan hệ hôn nhân:* Anh Nguyễn Văn N được ly hôn với chị Đặng Thị Bích T.

2. *Về con chung:* Anh N được trực tiếp nuôi dạy con tên Nguyễn Ngọc L, sinh ngày 20/6/2011, chị T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Chị T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Trên cơ sở lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức có

quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con thì Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. *Về án phí*: Anh N chịu 300.000 đồng (*ba trăm nghìn*) đồng tiền án phí hôn nhân, gia đình sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (*ba trăm nghìn*) đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số: 0007821 ngày 25/7/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tịnh Biên.

Giấy chứng nhận kết hôn số: Giấy chứng nhận kết hôn số: 50 ngày 15/9/2006 của Ủy ban nhân dân xã T, huyện Tịnh Biên, An Giang; không còn giá trị pháp lý.

4. *Quyền kháng cáo*: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được nhận bản án hoặc niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKS.ND huyện Tịnh Biên;
- THA.DS huyện Tịnh Biên;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Mai Văn Khánh